|  |  |
| --- | --- |
| **NHÓM V1.1 – KHTN** |  |

**BÀI 17: ĐA DẠNG NGUYÊN SINH VẬT**

Môn học: KHTN - Lớp: 6

**I. Mục tiêu**

1. **Kiến thức:**

* Nhận biết đực một số nguyên sinh vật như tảo lục đơn bào, tảo silic, trùng roi, trùng giày, trùng biến hình thông qua quan sát hình ảnh, mẫu vật.
* Nêu được sự đa dạng và vai trò của nguyên sinh vật.
* Nêu được một số bệnh, cách phòng và chống bệnh do nguyên sinh vật gây nên.
* Quan sát và vẽ được hình nguyên sinh vật dưới kính lúp hoặc kính hiển vi.

1. **Năng lực:**

**2.1. Năng lực chung**

* Năng lực tự chủ và tự học: tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh, xem video để tìm hiểu về đa dạng nguyên sinh vật.
* Năng lực giao tiếp và hợp tác: thảo luận nhóm xây dựng/vẽ vòng đời phát triển của trùng sốt rét.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: đưa ra được các giải pháp phòng bệnh do vi sinh vật gây ra và ứng dụng một số giải pháp trong thực tiễn.

**2.2. Năng lực khoa học tự nhiên**

* Nêu được sự đa dạng của nguyên sinh vật.
* Trình bày được vai trò của nguyên sinh vật với đời sống con người.
* Xác định được triệu chứng một số bệnh do vi sinh vật gây ra và biện pháp phòng, chữa bệnh.
* Thiết kế poster tuyên truyền phòng chống bệnh sốt rét để tuyên truyền và dán ở các khu vực trong nhà trường.

1. **Phẩm chất:**

Thông qua thực hiện bài học sẽ tạo điều kiện để học sinh:

* Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân nhằm tìm hiểu về đa dạng nguyên sinh vật.
* Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, chủ động tìm hiểu về vai trò và các bệnh liên quan tới nguyên sinh vật.
* Nghiêm túc trong việc phòng, chống các bệnh liên quan tới động vật nguyên sinh.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

* Video về nguyên sinh vật.
* HS chuẩn bị bài thuyết trình ở nhà về bệnh sốt rét và kiết lị.
* Một số ứng dụng thiết kế poster, inphographic…cho HS thiết kế poster tuyên truyền.

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề học tập**

**a) Mục tiêu:** Giúp học sinh xác định được vấn đề của bài học là nghiên cứu về nguyên sinh vật.

**b)** **Nội dung: GV** gọi 2 HS lên bảng vẽ hình: 1HS vẽ vi rút/ vi khuẩn và 1 HS vẽ nguyên sinh vật.

GV đặt câu hỏi có vấn đề “Nguyên sinh vật khác với vi khuẩn và virus như thế nào?”

1. **Sản phẩm:** HS đưa ra các dự đoán khác nhau về những điểm khác biệt.
2. **Tổ chức thực hiện:**

- GV đặt câu hỏi có vấn đề “Nguyên sinh vật khác với vi khuẩn và virus như thế nào?”

- GV mời 2 – 3 HS đưa ra dự đoán.

- GV viết lên bảng các dự đoán khác biệt.

- GV dẫn vào bài.

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**Hoạt động 2.1: Tìm hiểu đa dạng nguyên sinh vật**

1. **Mục tiêu:**

- Nêu được đặc điểm của nguyên sinh vật và sự đa dạng của nguyên sinh vật.

- Nêu được những điểm khác biệt giữa vi khuẩn, virus và nguyên sinh vật.

1. **Nội dung:**

- HS làm việc theo cặp.

- GV yêu cầu HS xem video và trả lời các câu hỏi:

1. Kể tên các hình dạng của nguyên sinh vật mà em thấy trên video. Nhận xét hình dạng và nơi sống của NSV?

2. NSV có những đặc điểm gì?

3. NSV có điểm gì khác biệt so với vi khuẩn và virus?

1. **Sản phẩm:** Đáp án của HS, có thể:

- HS nêu ra được hình dạng của NSV và kết luận về sự đa dạng về hình dạng của NSV.

- HS đưa ra các đáp án:

* 1. Hình thoi, có roi bơi, không có hình dạng xác định, cầu…🡪 Nhiều hình dạng. Nơi sống: ao hồ, cống, rãnh, cơ thể người và động vật.
* 2. Đặc điểm:

+ Sinh vật đơn bào, nhân thực

+ Có kích thước hiển vi

* 3. HS có thể trả lời được hay không, không quan trọng. GV có thể định hướng những ý khác biệt cơ bản.

1. **Tổ chức thực hiện:**

- GV giao nhiệm vụ học tập cá nhân và cặp.

- GV yêu cầu học sinh lên trình bày dựa theo các câu hỏi 1, 2. Các HS khác nhận xét, bổ sung.

- GV chốt kiến thức cơ bản cho HS.

- GV hỗ trợ HS trả lời câu hỏi 3.

**Hoạt động 2.2: Tìm hiểu vai trò của nguyên sinh vật.**

1. **Mục tiêu:**

* Trình bày được vai trò có hại của nguyên sinh vật: gây bệnh (bệnh sốt rét, bệnh kiết lị). Từ đó đề ra cách phòng tránh.
* Trình bày được vai trò có lợi của NSV trong tự nhiên và đối với con người.
* Ứng dụng làm trà sữa từ bột tảo xoắn.

1. **Nội dung:**

**-** HS đã được GV phân công tìm hiểu ở nhà. HS chuẩn bị bài thuyết trình.

Nguyên nhân gây bệnh, chu trình phát triển và cách phòng, chống.

+ Nhóm 1. Tìm hiểu về trùng sốt rét

+ Nhóm 2. Tìm hiểu về trùng kiết lị

+ Nhóm 3. Ứng dụng của tảo xoắn

+ Nhóm 4. Chứng minh nguyên sinh vật là thức ăn của nhiều động vật

- HS gửi bài thuyết trình qua email cho GV trước khi giờ học bắt đầu.

1. **Sản phẩm:**

**-** 3 bài thuyết trình.

- Trà sữa từ tảo xoắn.

1. **Tổ chức thực hiện:**

**-** Giao nhiệm vụ học tập: GV giao nhiệm vụ cho nhóm HS từ buổi học trước (đảm bảo HS có thời gian ít nhất 1 tuần để chuẩn bị).

- HS các nhóm 1 và 2 lên thuyết trình (5 phút):

+ 1 HS thuyết trình

+ 1 HS ghi kiến thức chính lên bảng: nguyên nhân gây bệnh, chu trình phát triển và cách phòng, chống.

- HS các nhóm khác nghe, phản biện và bổ sung (5 phút).

- GV ghi lại các câu khó và hỗ trợ HS tìm hiểu hoặc trả lời sau khi có nhóm đã hoàn thành.

- GV nhận xét và chốt kiến thức về sự có hại của NSV. GV mở rộng thêm kiến thức của tảo lục khi phát triển nhiều sẽ gây ô nhiễm nguồn nước và làm chết tôm cá.

- GV cho HS tìm hiểu về lợi ích của NSV: Nhóm 3 + 4 lên thuyết trình (5 phút)

Sau đó GV đặt câu hỏi:

NSV có những lợi ích gì?

- HS trả lời câu hỏi. GV mở rộng về vai trò của tảo sống trên các nhánh san hô ở biển.

GV chốt lại kiến thức về lợi ích của NSV

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

1. **Mục tiêu:** Hệ thống được một số kiến thức đã học.
2. **Nội dung:** Chơi trò chơi “Tôi là ai?”
3. **Sản phẩm:** HS trả lời từng câu hỏi trong trò chơi
4. **Tổ chức thực hiện:**

- GV hướng dẫn cách chơi trò chơi “Tôi là ai?”

GV làm mẫu trước bằng cách mô tả một đặc điểm liên quan đến một loài NSV bất kì

Ví dụ: Tôi là một cơ thể đơn bào có thể thay đổi được hình dạng bất kì. Tôi là ai?

Đáp án: Trùng biến hình

- GV tính điểm cho HS mô tả hợp lý và HS có đáp án chính xác.

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

1. **Mục tiêu:** Phát triển năng lực tự học và năng lực tìm hiểu đời sống.
2. **Nội dung:** Làm bài tập trắc nghiệm.
3. **Sản phẩm:** Bài tập trắc nghiệm.
4. **Tổ chức thực hiện:** HS sử dụng smart phone, làm cá nhân bằng cách truy cập vào đường link sau: <https://docs.google.com/forms/d/e/1FAIpQLSet2LXqEJ3ZuGyKV-iE4uH-EF_UvSbjembo1JdEnf_cXWTKbw/viewform>